

TCVN 7263 : 2003

GIẤY SÁP GHÉP ĐẦU LỌC ĐIỀU THUỐC LÁ

Cigarette tipping paper

Lời nói đầu

TCVN 7263 : 2003 do Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn TCVN/TC 126 *Thuốc lá và sản phẩm thuốc lá* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Giấy sếp ghép đầu lọc điếu thuốc lá

Cigarette tipping paper

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho giấy sếp ghép đầu lọc điếu thuốc lá.

2 Tiêu chuẩn viện dẫn

TCVN 1862 -1 : 2000 Giấy và cactông. Xác định độ bền kéo. Phương pháp tải trọng không đổi.

TCVN 1867 : 2001 Giấy và cactông. Xác định độ ẩm. Phương pháp sấy khô.

TCVN 3229 : 2000 Giấy. Xác định độ bền xé. Phương pháp Elmendorf.

TCVN 3649 : 2000 Giấy và cactông. Lấy mẫu để kiểm tra chất lượng trung bình.

TCVN 3652 : 2000 Giấy và cactông. Xác định độ dày và tỷ trọng.

TCVN 6946 : 2001 (ISO 2965 : 1997). Các phụ liệu dùng làm giấy cuốn điếu thuốc lá, giấy cuốn đầu lọc và giấy ghép đầu lọc gồm cả vật liệu có vùng thấu khí định hướng – Xác định độ thấu khí.

3 Định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng các định nghĩa sau đây :

3.1 Giấy sếp ghép đầu lọc (Tipping paper): Giấy dùng để bọc phần đầu lọc và ghép nối lên một đầu của điếu thuốc.

4 Yêu cầu kỹ thuật

Yêu cầu vật lý đối với giấy sếp ghép đầu lọc điếu thuốc lá, được qui định trong bảng 1.

Bảng 1 – Các chỉ tiêu vật lý của giấy sáp ghép đầu lọc điều thuốc lá

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu			
	Giấy sáp vàng		Giấy sáp trắng	
	Loại thường	Loại đục lỗ	Loại thường	Loại đục lỗ
1. Định lượng, g/m ²	28 - 32	32 - 35	32 - 35	35 - 39
2. Độ dày, µm	34 - 36	35 - 45	40 ± 1	40 - 50
3. Độ bền kéo				
- kN/m	2,0 - 2,2		≥ 1,5	
- N/15 mm		26 - 30		24 - 28
4. Độ bền xé, mN	120 - 150	120 - 150	170 - 190	170 - 190
5. Độ thấu khí (CU), không nhỏ hơn	15	200	36	200
6. Độ ẩm, %, không lớn hơn	6,0 ± 1,0			

5 Phương pháp thử

5.1 Lấy mẫu, theo TCVN 3649 : 2000;

5.2 Định lượng, theo TCVN 3652 : 2000;

5.3 Xác định độ thấu khí, theo TCVN 6946 : 2001 (ISO 2965 : 1997);

5.4 Xác định độ bền kéo, theo TCVN 1862 - 1 : 2000;

5.5 Xác định độ bền xé, theo TCVN 3229 : 2000;

5.6 Xác định độ dày, theo TCVN 3652 : 2000.

5.7 Xác định độ ẩm, theo TCVN 1867 : 2001

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản

6.1 Ghi nhãn : Ngoài các qui định hiện hành về ghi nhãn, trên bao bì đựng sản phẩm cần nêu rõ các thông tin dưới đây:

- Tên sản phẩm;
- Tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất;
- Ngày, tháng, năm sản xuất;
- Định lượng;
- Kích thước chiều dài x chiều rộng;
- Mã số lô hàng.

6.2 Bao gói

Giấy sáp ghép đầu lọc được đóng thành kiện, các kiện được đựng vào thùng giấy cactong.

6.3 Vận chuyển

Phương tiện vận chuyển sản phẩm giấy sáp ghép đầu lọc phải sạch, khô, không có mùi lạ, có mui che, không vận chuyển chung với các sản phẩm khác. Khi bốc dỡ phải nhẹ nhàng, tránh làm hư hỏng sản phẩm.

6.4 Bảo quản

Bảo quản sản phẩm giấy sáp ghép đầu lọc ở nơi riêng biệt, sạch, không có mùi lạ, đặt trên các kệ, bục cách nền tối thiểu 20 cm, cách tường tối thiểu 50 cm, không chồng cao quá 4 tầng và bảo quản ở nhiệt độ thường.
